

MINH TRỊ DUY TÂN NHẬT BẢN VÀ CANH TÂN VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XIX: ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM

TS. Trần Thị Thu Hoài

Đại học Kinh tế Quốc dân

Nửa sau thế kỷ XIX, các nước lạc hậu ở châu Á, phương Đông bị “cuốn vào con lốc của chủ nghĩa tư bản” phương Tây. Việt Nam, Nhật Bản, hai nước cùng một hoàn cảnh, cùng chịu sự đe dọa của đế quốc phương Tây, nhưng người Nhật đã thoát khỏi nguy cơ bị nô dịch và trở thành một cường quốc tư bản chủ nghĩa. Trong khi Việt Nam bị thực dân Pháp thôn tính, trở thành thuộc địa của Pháp gần trăm năm. Bước ngoặt lịch sử đó đã quy định sự khác biệt trong con đường phát triển của hai dân tộc Việt Nam, Nhật Bản. Bằng cách nào Nhật Bản đã có một sự bứt phá ngoạn mục như vậy còn Việt Nam thì không? Thông qua một vài nghiên cứu so sánh về Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản và Canh tân Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, bài viết góp một phần luận giải câu hỏi trên.

Trong bối cảnh nửa sau thế kỷ XIX, hầu hết các nước châu Á đều bị phương Tây nhòm ngó, song không phải tất cả các nước đó đều bị phương Tây thôn tính. Lối thoát khỏi sự xâm lược và thôn tính của phương Tây lúc bấy giờ không phải bằng quân sự, súng ống mà theo giáo sư Vũ Dương Ninh: “Trong bối cảnh đó, các cuộc vận động cải cách chính là một phương thức ứng phó với nguy cơ xâm lược của CNTD phương Tây”¹.

Trước bước chân xâm lược với tàu to súng lớn của thực dân phương Tây, triều Nguyễn sau những nỗ lực chống trả yếu ớt với đội quân xâm lược nhà nghề buộc phải ký với thực dân Pháp hiệp ước Nhâm Tuất (1862) rồi Giáp Tuất (1874) lần lượt nhượng 3 tỉnh miền Đông rồi 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ cho chúng. Cũng giống như Việt Nam, trước sức ép của các nước phương Tây, nước Nhật phong kiến khoảng giữa thế kỷ XIX, chính quyền Bakufu (1651-1841) trong những năm cuối cầm quyền cũng buộc phải ký với các nước phương Tây các hiệp ước bất bình đẳng. Thực tế này đã khiến chính quyền Bakufu bị những samurai trẻ tuổi và những địa chủ năng nổ tại các vùng thôn quê đã kích gay gắt vì “đã không thể đối đầu với những người nước ngoài”². Tuy nhiên, nước Nhật đã lùi một bước ngăn để tiến những bước khổng lồ. Cuộc Minh Trị Duy Tân của Nhật đã biến Nhật từ một quốc gia phong kiến lạc hậu thành một nước tư bản phát triển và thoát được cảnh mất nước. Trong khi Việt Nam thì không như vậy. Triều đình nhà Nguyễn cứ lùi mãi, lùi mãi đến khi bị ép sát chân tường. Hiệp ước Hác Măng (1883) và Patonôt (1884) đã chính thức biến toàn bộ

đất nước ta thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Nhìn lại lịch sử, có thể thấy, Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, sau khi đã lùi một bước trước thực dân phương Tây, khoảng năm 1863, đã xuất hiện những tư tưởng canh tân nhưng trên thực tế ở Việt Nam không có một phong trào canh tân như Nhật Bản. Ngoài những lý do thuộc về bản thân những tư tưởng canh tân ở nước ta như: các đề nghị canh tân là quá ít ỏi, tiếng nói của những người có tư tưởng canh tân không thật sự có trọng lượng với chính quyền, bản thân các tư tưởng canh tân chưa vượt ra khỏi hệ tư tưởng phong kiến, ngành in ấn chưa phát triển nên những tư tưởng canh tân không được phổ biến rộng rãi. Những người có tư tưởng canh tân đều là những người chủ hoà trong khi những người chủ chiến lại không có tư tưởng canh tân. Trong điều kiện cụ thể ở nước ta bấy giờ thì canh tân là để giữ nước, giữ nước là một mục tiêu cấp bách và đúng đắn. Nếu không giữ được nước thì tất cả những chủ trương canh tân khác đều trở thành vô nghĩa và ảo tưởng... Không thể không đề cập đến một yếu tố vô cùng quan trọng để những tư tưởng canh tân có thể trở thành phong trào cải cách đó là những tiền đề cho canh tân. Ở Việt Nam, tầm nhìn của các nhà lãnh đạo đất nước thời đó trong một nền chính trị lạc hậu đã không cho phép ra đời những yếu tố làm tiền đề cho canh tân thành công. Ở nước ta, trước khi các tư tưởng canh tân được đề xuất từ dưới lên, không có một sự đổi mới nào trong bộ máy chính quyền, đổi mới về chế độ chính trị, thể chế chính trị mà ngược lại các vua nhà Nguyễn đều có ý thức củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập trung

cao độ. Về nguyên lý, càng củng cố cho một chế độ chính trị lạc hậu, không còn phù hợp với thời đại là cách nhanh nhất để kết thúc sự tồn tại hiện thực của nó. Muốn cải cách, điều đầu tiên phải có một bộ máy chính quyền đủ sức đảm đương, đủ xung lực tiến hành một cuộc chuyển mình. Canh tân mà không đụng chạm đến bộ máy chính quyền, đến thể chế chính trị thì chỉ là lý thuyết trên giấy, không có khả năng thực thi hiệu quả. Trong khi, các nhà canh tân Việt Nam điển hình như Nguyễn Trường Tộ lại đặt niềm tin vào chính quyền Tự Đức. Như vậy, chúng ta *không có tiền đề về chính trị* cho canh tân. Chúng ta đều biết, cơ sở thị dân, dân buôn, dân thợ... là những nhân tố mới của một xã hội phát triển, đặt tiền đề cho việc thực hiện canh tân. Trong khi đó, chính sách kinh tế trọng nông ức thương, bế quan toả cảng của triều Nguyễn kìm hãm sự phát triển của các yếu tố kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN đang nảy sinh lại *không cho phép xuất hiện các yếu tố làm tiền đề kinh tế - xã hội* cho canh tân. Thiếu tiền đề về mọi mặt cùng với việc không được sự ủng hộ của chính quyền, ý tưởng của các nhà canh tân Việt Nam chỉ tồn tại trên giấy hoặc được thực hiện một cách cầm chừng, nhỏ giọt, không đủ sức thay đổi diện mạo kinh tế xã hội Việt Nam để đủ sức kháng cự trước sức mạnh tấn công từ bên ngoài.

Trong xã hội sống về nghề nông, chưa bước vào giai đoạn kinh tế tiền tệ, vắng mặt một giai cấp trung lưu có những tư tưởng táo bạo. Khối nông dân thì không có phần trong công việc nhà nước, và giới lãnh đạo của các sĩ phu thì não trạng lại đây thành kiến về ưu thế của các quan niệm trí thức và đạo đức truyền thống, mà khinh rẻ các tiến bộ kỹ thuật, và tỏ ra thù nghịch với mọi sự canh tân³.

Có thể thấy, Việt Nam đã lỡ một nhịp phát triển. Nền chính trị lạc hậu như là sản phẩm của một nền kinh tế yếu kém, lạc hậu đã làm cho Việt Nam không thể tự bút phá từ xã hội phong kiến lên xã hội TBCN trên con đường phát triển. Và hậu quả là nước Việt Nam phong kiến đã bị xâm lược, thôn tính bởi đế quốc Pháp tư bản chủ nghĩa phát triển ở trình độ cao hơn chúng ta cả một phương thức sản xuất.

Trong khi đó, ở Nhật Bản chúng ta nhìn thấy một sự tiếp nối liên tục giữa các chính quyền: “Suốt trong thời kỳ Tokugawa, một số điều kiện đi trước cho hiện đại hoá đã được phát triển... Tuy nhiên, trong thời đại Minh Trị, chính quyền và nhân dân Nhật Bản đã tự đặt cho mình nhiệm vụ đầy tham vọng là quyết tâm đuổi kịp những quốc gia tiên tiến về mặt kỹ thuật ở phương Tây”⁴. Cho dù “những điều kiện đi trước” được tạo ra làm tiền đề cho công cuộc Duy Tân sau này “chỉ là ngẫu nhiên” vì trước

thời Minh Trị, “những khái niệm như hiện đại hoá và tiến bộ chưa bao giờ được đặt ra một cách có ý thức làm mục tiêu của chính quyền”⁵, nhưng những gì xảy ra ở nước Nhật trước Duy Tân cũng cho thấy một cách rõ ràng *sự miễn cảm đặc biệt về chính trị của người lãnh đạo đất nước về con đường phát triển của dân tộc*. Trước 1868, như là kết quả đấu tranh quyết liệt trong lĩnh vực chính trị, một “thể chế chính trị đề ra vì Duy Tân” đã được xác lập. Ở Nhật Bản, thời kỳ Edo (1600-1868) đã diễn ra những biến đổi kinh tế, xã hội, văn hoá và học thuật quan trọng tạo những tiền đề cho canh tân. “Sau năm 1600... tiền tệ xâm nhập vào mọi miền đất nước và được các tầng lớp xưa nay chưa dùng tiền bao giờ chấp nhận một cách dễ dàng. Việc tiền tệ hóa nền kinh tế đã tạo nên những giao dịch lâu dài trong phạm vi toàn quốc và làm mất đi lối trao đổi buôn bán hàng hóa và những phiên chợ không thường kỳ. Nó cũng đưa đến việc tin tưởng rộng rãi vào tín dụng”⁶. Việc các “nhà buôn” nổi lên luôn luôn được coi là góp phần lật đổ chế độ phong kiến của Nhật Bản và góp phần quan trọng xóa hẳn chế độ đó vào năm 1868. “Chính nhờ có những tiền đề đó mà cuộc cải cách Minh Trị đã có thể diễn ra mau chóng, mạnh mẽ sớm đi đến thắng lợi và trở thành cuộc cải cách điển hình của châu Á”⁷. Canh tân, hiện đại nửa sau thế kỷ XIX trong cách hiểu của người Nhật có nghĩa là: “Có một hệ thống kinh tế của tư bản công nghiệp và một chế độ chính trị lập hiến tự do hoặc nửa tự do như ở Hoa Kỳ và một số nước châu Âu”⁸.

Như vậy là, giống như Việt Nam, trước sự tấn công từ bên ngoài, vì yếu hơn, Nhật buộc phải ký những hiệp ước bất bình đẳng, nhưng rồi bằng canh tân - mà tiền đề cho cuộc chuyển mình vĩ đại này đã được tạo ra bằng sự miễn cảm chính trị đặc biệt của giới cầm quyền trước thời Minh Trị, và sự nghiệp này đã được thực hiện với một quyết tâm lớn của chính quyền Minh Trị vì danh dự của Nhật Bản - Nhật đã “xét lại các hiệp định” nhằm “chấm dứt được một hoàn cảnh không bình đẳng và bất công đã kéo dài hơn bốn mươi năm”⁹. Một dấu mốc quan trọng là năm 1894 chính quyền nước Anh đã thỏa thuận ký với Nhật một hiệp ước mới bình đẳng¹⁰. Về thực chất, việc lấy lại quyền bình đẳng với các nước phương Tây của Nhật thành công là do nước Nhật lúc bấy giờ đã “ngang ngửa” trình độ về nhiều mặt với phương Tây. “Việc xét lại các hiệp định không phải chỉ là các cuộc đàm phán ngoại giao kéo dài... việc xét lại các hiệp định chỉ có thể thực hiện nếu các thể chế luật pháp và chính trị của Nhật Bản cũng giống như những thể chế hiện hành ở phương Tây”¹¹. Trở thành nước TBCN để chống lại sự tấn công của đế quốc tư sản là con đường đi của nước

Nhật. Minh Trị Duy Tân thực chất là cuộc chuyển mình trong phương thức sản xuất biển nước Nhật phong kiến thành nước Nhật TBCN. Bước phát triển đó đã giúp nước Nhật đẩy lùi hoạ xâm lăng. Nước Nhật đường hoàng tiến bước trên con đường TBCN.

Rõ ràng chính quyền nước Nhật đã ý thức rất rõ, trong tư thế hoàn toàn chủ động và chuẩn bị rất chu đáo cho một cuộc duy tân đất nước. Họ chủ động thành lập một phái đoàn gồm 50 chuyên gia là đại thần, quan chức đủ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, xã hội, ngoại giao... do đại thần Iwakura Tomoni dẫn đầu đi công du 12 nước Âu Mỹ trong thời gian 1 năm 10 tháng để học tập những cái hay của các nước trên thế giới. Việc mở rộng tư duy để tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại đã làm cho nước Nhật chuyển mình khiến cuộc cải cách duy tân tại đất nước mặt trời mọc có tầm vóc như một cuộc cách mạng tư sản. Okubo, một quan chức cao cấp trong đoàn do Iwakura dẫn đầu trong chuyến công du dài ngày đã “đặc biệt có ấn tượng về sự kết hợp năng lực công nghệ và thương mại với sức mạnh chính trị và ổn định của người Anh. Theo ông nghĩ, sở dĩ người Anh có được một nhà nước vững mạnh đó là do chủ nghĩa Tự do đã khiến người dân Anh cảm thấy mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm trước sự cường thịnh của đất nước và phải làm sao tăng cường cái tốt đẹp chung khi theo đuổi những quyền lợi riêng tư”¹². Những thành tựu của văn minh nhân loại đã được người Nhật tiếp thu theo cách chủ động như vậy. Còn ở ta, cũng rất gần thời điểm đó, Bùi Viện, một nhà canh tân cùng vài chiến hữu, một cánh buồm, một con thuyền lênh đênh vượt biển đi tìm một hướng đi cho dân tộc. Rõ ràng

từ thực tế đó có thể dự cảm tương lai, kết quả của Duy Tân Nhật Bản và canh tân Việt Nam.

Qua nghiên cứu những ý tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX trong tương quan so sánh với công cuộc Minh Trị Duy Tân ở Nhật Bản, có thể thấy **sự vận động, phát triển là cả một quá trình kế thừa và tiếp nối**. Không có những tiền đề về mọi mặt được tạo ra trước thời Minh Trị thì dù là một đảng minh quân như Nhật hoàng Minh Trị cũng khó lòng có một cuộc cải cách như Minh Trị Duy Tân. Ở Việt Nam, chúng ta có thể trách vua Tự Đức và các vị vua kế nhiệm ông không có một tầm nhìn chiến lược để đưa ra chủ trương canh tân đất nước. Song, vấn đề là: trong khuôn khổ một nền chính trị phong kiến và cách thức cai trị kiểu phong kiến cũng như tầm nhìn của các bậc tiền nhiệm Tự Đức, Việt Nam không có những tiền đề về nhiều mặt cho một cuộc canh tân như Nhật Bản. Có thể thấy, tầm nhìn chiến lược của lực lượng lãnh đạo, quản lý đất nước trong việc vạch ra một con đường, một hướng đi đúng cho quốc gia dân tộc là rất quan trọng. Nhưng, không kém phần quan trọng là các thế hệ lãnh đạo khi kế tiếp nhau cầm quyền phải luôn có sự kế thừa, tiếp nối để tiếp tục những công việc dang dở của các thế hệ đi trước, hướng tới mục tiêu đã định. Điều này đòi hỏi các nhà lãnh đạo, quản lý đất nước phải luôn đặt **lợi ích chung, lợi ích dân tộc lên hàng đầu**. Nhận thức này có ý nghĩa to lớn đối với cách quản lý, điều hành đất nước theo chế độ nhiệm kỳ hiện nay. “Tân lãnh đạo, tân chính sách” không thể là cách thức hiệu quả đưa Việt Nam phát triển để có thể sánh vai với các cường quốc năm châu như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu kính. □

Chú thích và tài liệu tham khảo:

1. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2007), Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.352.
2. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.300.
3. Nguyễn Thế Anh, Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn, NXB Văn học, tr.268.
4. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.294.
5. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.294.
6. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.253.
7. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2007), Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.355.
8. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.294.
9. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.304.
10. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.304.
11. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.304.
12. R.H.P Mason & J.G. Xaiger (2008), Lịch sử Nhật Bản, NXB Lao động, tr.332.